|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI \_\_\_\_\_\_\_**  Luật số: …../20…/QH… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**DỰ THẢO trình UBTVQH ngày 02/6/2025**

**LUẬT**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG** **TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.*

**Điều 1**. **Sửa đổi, bổ sung Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.**

1. Sửa đổi khoản 10, khoản 11 và bổ sung khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 3 như sau:

10. *Mức hiệu suất năng lượng tối thiểu, mức hiệu suất năng lượng cao* là mức hiệu suất năng lượng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng theo từng thời kỳ.

11. *Sản phẩm tiết kiệm năng lượng* bao gồm phương tiện, thiết bị, sản phẩm có hiệu suất năng lượng cao, vật liệu xây dựng có tính cách nhiệt tốt, giúp giảm tiêu thụ năng lượng, phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

12. *Công ty dịch vụ năng lượng* là công ty cung cấp các dịch vụ và giải pháp toàn diện, hoặc thực hiện các dự án đầu tư về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả dựa trên các Hợp đồng hiệu quả năng lượng. Hoạt động đầu tư kinh doanh của công ty được thực hiện theo pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

13. *Hợp đồng hiệu quả năng lượng* được hình thành giữa khách hàng và một tổ chức, công ty dịch vụ năng lượng, làm cơ sở để khách hàng thanh toán cho công ty dịch vụ năng lượng khi thực hiện các dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

14. *Chứng chỉ quản lý năng lượng* là chứng chỉ do Bộ Công Thương cấp cho người tham gia và đạt kết quả trong khóa đào tạo cho người quản lý năng lượng.”

2. Sửa đổi khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 5 như sau:

“3. Tăng cường đầu tư, sử dụng đa dạng hình thức huy động các nguồn lực để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ nâng cao năng suất, chất lượng tiên tiến về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường. Khuyến khích phát triển những ngành nghề tiêu thụ ít năng lượng, tài nguyên, tạo ra giá trị gia tăng cao. Tăng cường các biện pháp kiểm soát đối với những ngành, lĩnh vực có cường độ sử dụng năng lượng cao, tiêu thụ nhiều tài nguyên thiên nhiên.

5. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển dịch vụ tư vấn năng lượng. Đầu tư hợp lý cho công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Đồng thời, tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, đặc biệt là kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. Khuyến khích, hỗ trợ cơ sở sử dụng năng lượng ký kết thỏa thuận tự nguyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước, hoặc các tổ chức cung cấp năng lượng do nhà nước quản lý hoặc ủy quyền.

6. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và của các tỉnh, thành phố và các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. Các tỉnh, thành phố căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm.”

3. Bổ sung khoản ~~3~~1a, Điều 6 như sau:

“1a. Nguồn lực cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Nguồn lực để thực hiện hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.”

4. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Các quy định về thống kê trong lĩnh vực năng lượng được thực hiện theo pháp luật về thống kê”

5. Sửa đổi khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

“3. Bộ Công Thương ban hành định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong từng ngành sản xuất công nghiệp, trừ các ngành tại khoản 4 Điều này.

4. Bộ Xây dựng ban hành định mức sử dụng năng lượng áp dụng trong ngành sản xuất công nghiệp vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.”

6. Sửa đổi điểm d, điểm đ, điểm g khoản 1 và bổ sung khoản 3 Điều 13 như sau:

“d) Nhà máy thuỷ điện phải tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành khai thác hồ chứa hoặc liên hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm yêu cầu phát điện an toàn, tham gia nhiệm vụ điều tiết cấp nước cho sản xuất và đời sống, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

đ) Đơn vị truyền tải, phân phối điện phải xây dựng chương trình, kế hoạch, định mức và lộ trình cụ thể nhằm giảm tổn thất điện năng trong hệ thống truyền tải và phân phối, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát chế độ non tải, quá tải của hệ thống lưới điện;

g) Đơn vị khai thác, vận chuyển, phân phối than, dầu khí phải thực hiện đánh giá phương án thu hồi và sử dụng hiệu quả về tài nguyên năng lượng, khí phát sinh trong các khâu khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, phân phối và tồn trữ trong hệ thống cung ứng của doanh nghiệp. Định kỳ không quá năm năm tổ chức rà soát và cập nhật xây dựng định mức hao hụt xăng, dầu, than.

3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ sở sản xuất, vận chuyển và phân phối năng lượng xây dựng và ban hành quy định về định mức sử dụng năng lượng tự dùng trong các cơ sở.”

7. Sửa đổi khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy định về tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, thực hiện quản lý chiếu sáng công cộng theo thẩm quyền được phân cấp.”

8. Sửa đổi khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:”

9. Sửa đổi khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 30 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, và xử lý vi phạm đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.”

11. Sửa đổi Điều 32 như sau:

“Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là cơ sở sử dụng năng lượng hằng năm với khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm một năm một lần và gửi Bộ Công Thương tổng hợp.”

12. Sửa đổi điểm đ khoản 1 và sửa đổi khoản 2 Điều 33 như sau:

“đ) Áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo quy định của Bộ Công Thương. Tổ chức duy trì hệ thống đo đếm đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, ~~đảm~~ bảo đảm tính chính xác của số liệu nhằm theo dõi, giám sát tình trạng sử dụng năng lượng để thống kê tình hình tiêu thụ, sử dụng các dạng năng lượng, lập bảng cân bằng năng lượng của cơ sở;”

2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm, quy định mẫu báo cáo định kỳ hằng năm và năm năm, áp dụng mô hình quản lý năng lượng phù hợp đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.”

13. Sửa đổi khoản 4 Điều 34 như sau:

“4. Bộ Công Thương quy định kỹ thuật thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, kiểm tra giám sát, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng do đơn vị đào tạo cấp”

14. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 35 như sau:

“d) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; theo dõi, giám sát nhu cầu, định mức sử dụng năng lượng.

3. Bộ Công Thương quy định nội dung, chương trình đào tạo, kiểm tra giám sát, thẩm quyền, ủy quyền cấp; công nhận, cấp lại, thu hồi, thời hạn chứng chỉ quản lý năng lượng. Công khai kế hoạch, danh sách tổ chức đào tạo và công bố tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý.”

15. Sửa đổi tên Chương IX, Điều 37 và khoản 2, khoản 3 Điều 37 như sau:

“Chương IX. Quản lý phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng.

Điều 37. Biện pháp quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng.

2. Dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng.

3. Công bố thông tin cần thiết về sử dụng năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng.”

16. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 39 như sau:

“1. Phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng thuộc danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường.

2. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, phân phối, kinh doanh, bao gồm cả trên nền tảng thương mại điện tử, các phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng thực hiện công bố, dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng sau khi phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng đã được thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật về đo lường.

3. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng phải dán nhãn năng lượng và lộ trình thực hiện thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

d) Hướng dẫn, công bố việc dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

4. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch hằng năm tổ chức triển khai thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về dán nhãn năng lượng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, vật liệu xây dựng trong sản xuất, kinh doanh, phân phối trên địa bàn.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 4, khoản 5 ~~và khoản 6~~ Điều 41 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm, vật liệu tiết kiệm năng lượng; đầu tư nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng, dự án đầu tư vào các cơ sở tiết kiệm năng lượng, sản xuất, lắp đặt máy móc, thiết bị hoặc vật liệu tiết kiệm năng lượng, các dự án nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng hoặc giảm phát thải khí nhà kính, được ưu đãi, hỗ trợ như sau:

a) Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế theo quy định của pháp luật về thuế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ;

b) Các ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Được vay vốn ưu đãi và hỗ trợ từ các quỹ: Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Ngân hàng Phát triển, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và các pháp luật có liên quan.

đ) Hỗ trợ hoạt động kỹ thuật bao gồm: kiểm toán, nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, chuyên gia kỹ thuật, ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng.

3. Phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ tiết kiệm năng lượng; sản phẩm tiết kiệm năng lượng, các loại phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng khí hoá lỏng, khí thiên nhiên, điện, hydrogen, nhiên liệu tổng hợp, sinh học mà trong nước chưa sản xuất được và thuộc danh mục do Chính phủ quy định được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ.

4. Chính phủ quy định việc khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang các công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; đầu tư và chuyển đổi sang sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính thông qua các cơ chế hỗ trợ tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

5. Chính phủ xây dựng các cơ chế khuyến khích, giải pháp hỗ trợ thúc đẩy ứng dụng các quá trình chuyển đổi phù hợp với cuộc cách mạng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến công nghiệp; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.”

18. Bổ sung Điều 41a như sau:

“**Điều 41a.** **Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**

1. Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

2. Quỹ được hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác để thực hiện chức năng thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn cả nước.

3. Quỹ có mục tiêu hỗ trợ, tài trợ cho dự án, nhiệm vụ, hoạt động thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ chế linh hoạt theo yêu cầu của nhà tài trợ và các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hoá, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

5. Chính phủ quy định nguồn vốn của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.”

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, điểm c, điểm d, điểm g khoản 3 và bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 43 như sau:

“3. Tổ chức, công ty dịch vụ năng lượng thực hiện các hoạt động sau đây:

c) Đào tạo kiểm toán năng lượng, tư vấn áp dụng mô hình quản lý năng lượng tiên tiến;

d) Tư vấn, đầu tư thực hiện biện pháp tiết kiệm năng lượng, thực hiện hợp đồng hiệu quả năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng;

g) Thực hiện thông báo hoạt động đối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh ngành nghề kiểm toán năng lượng để đảm bảo chất lượng dịch vụ;

5. Chính phủ xây dựng các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích để hình thành hệ thống các tổ chức, công ty dịch vụ năng lượng, hướng dẫn triển khai hợp đồng hiệu quả năng lượng;

6. Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng; hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật, biểu mẫu thông báo đối với tổ chức, công ty dịch vụ năng lượng. Công khai danh sách tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ năng lượng và công bố tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý.”

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 46 như sau:

“1. Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gửi kế hoạch năm năm và báo cáo hằng năm về Bộ Công Thương để tổng hợp.

3. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ hằng năm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và trong từng giai đoạn năm năm gửi Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”

**Điều 2**. **Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

**Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**

Chứng chỉ Quản lý năng lượng được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày … tháng 6 năm 2025*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Trần Thanh Mẫn**